

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 62/2019/HNGĐ - ST
Ngày 28-11-2019
V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Ôn và ông: Lò Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Nhữ Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/TLST – HNGĐ ngày 15/8/2019 về việc: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2019/QĐST -DS ngày 12/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị L; SN: 1990; Nơi ĐKKHKT: Bản N2, xã Nà N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Lò Văn Kh; SN: 1991; Nơi ĐKKHKT: Bản Lán Yên, xã Nà Tấu, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Kh vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/8/2019 và lời khai trong bản tự khai, nguyên đơn là chị Lò Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn Nhân: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn Kh kết hôn năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị L và anh Kh kết hôn tự nguyện không ai bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên

nhân là do tính tình không hợp nhau, hai bên gia đình đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị L và anh Kh đã ly thân từ tháng 02/2017 đến nay. Hiện tại chị L không còn tình cảm với anh Kh, vì vậy chị L xin được ly hôn với anh Kh.

Về con chung: Chị L khai nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lò Thị Kim O, sinh ngày 21/4/2012. Vợ chồng ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi con cho đến khi cháu O thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Lò Văn Kh qua đường bưu điện với hình thức gửi bảo đảm, tổng đạt trực tiếp cho ông Lò Văn Ch là bố anh Kh. Anh Kh đã biết được việc chị L xin ly hôn, anh Kh đang đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên liên lạc và về thăm gia đình. Mặc dù anh Kh biết được việc chị L xin ly hôn nhưng anh Kh không gửi cho Tòa án bản nêu ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của chị L.

Ngày 17/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc mở phiên họp đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp cho bố anh Kh và thực hiện việc niêm yết tại nơi cư trú và Ủy ban nhân dân xã và trụ sở Tòa án nhưng anh Kh vẫn cố tình vắng mặt mà không có lý do. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 1 Điều 207 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại phiên tòa chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn chị L vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa giải quyết các yêu cầu như trong đơn khởi kiện. anh Kh vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh Kh.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Khoản 1 Điều 56; Khoản 1, Khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Dân sự 2015. và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L. Giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có. Chị L được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện về việc Nguyên đơn chị Lò Thị L xin ly hôn với anh Lò Văn Kh và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Tòa án xác định đây là vụ án: Tranh chấp ly hôn.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Lò Văn Kh có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Dân sự 2015.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị L và anh Kh kết hôn năm 2012, Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Kh kết hôn năm 2012, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị L khai nhận hai vợ chồng kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc lừa dối theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quan hệ hôn nhân của chị L và anh Kh là hợp pháp. Chị L có đơn xin ly hôn với anh Kh là do trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Tại văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 12/9/2019 do chị L cung cấp, chính quyền địa phương cũng thừa nhận việc chị L và anh Kh có mâu thuẫn, chị L và con đã chuyển về nhà bố mẹ để sinh sống. Tại biên bản xác minh ngày 03/9/2019, ông Lò Văn Ch bố anh Kh đồng thời là Trưởng bản L cho biết: "Nguyên nhân mâu thuẫn của chị L và anh Kh là do tính tình không hợp nhau, đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành, chị L và anh Kh đã ly thân từ tháng 02/2017 đến nay. Anh Kh đã được gia đình thông báo về việc chị L xin ly hôn với anh, anh Kh và gia đình đồng ý việc chị L xin ly hôn và đồng ý để chị L được nuôi con. Hiện anh Kh đang đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình và về thăm nhà". Hội đồng xét xử xét thấy chị L và anh Kh đã ly thân từ tháng 02/2017 đến nay, chị L hiện đã chuyển về nhà bố mẹ để sinh sống. Trong thời gian ly thân giữa chị L và anh Kh không đi lại thăm nom, chăm sóc lẫn nhau, không có tình cảm vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, anh Kh đã được gia đình thông báo cho biết việc chị L xin ly hôn với anh nhưng anh Kh không có ý kiến gì phản đối. Việc chị L xin ly hôn với anh Kh phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh Kh.

[5]. Về con chung: Chị L và anh Kh có 01 con chung là cháu Lò Thị Kim O, sinh ngày 21/4/2012. Vợ chồng ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại bản tự khai ngày 09/9/2019 cháu Lò Thị Kim O có ý kiến xin được ở với mẹ. Xét đề nghị của chị L phù hợp với nguyện vọng của cháu O mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án anh Kh không có mặt tại Tòa án cũng như không có bất cứ ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu O, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu O cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu O thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu Tòa giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS, chị L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, tuy nhiên chị L là người dân tộc thiểu số cư trú tại xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị L được miễn án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Khoản 1, Khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Nguyên đơn chị Lò Thị L được ly hôn với bị đơn anh Lò Văn Kh

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thị Kim O, sinh ngày 21/4/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu O thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu Tòa giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

4. Về án phí: Chị L được miễn áp phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/11/2019). Anh Kh được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ.B;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- Các đương sự;
- UBND xã Nà Nhạn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Thu Hương

